TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ - ST
Ngày 29/8/2017.
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạnh Xuân Hải;
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Minh Tuấn;
- Bà Phạm Thị Tiền Giang;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1/ ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam

2/ ***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Mạnh C**, sinh năm 1992.
Nơi ĐKNKTT: Thôn Y, xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam
Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà- Tổng cục VIII- Bộ Công an).

(Tại phiên tòa có mặt chị A, anh C vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Mạnh C đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam vào ngày 04/4/2012 trên cơ sở tự nguyện.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C nghiện chất ma túy, khi không có tiền mua ma túy, anh C về đòi tiền chị, chị không đưa tiền thì anh đánh đập, hành hạ chị. Do không chịu đựng được nên chị đã bế con về nhà bố mẹ đẻ để ở từ năm

2014. Khoảng cuối năm 2014, anh C bị bắt vì phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị A xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Linh Ph, sinh ngày 30/9/2012. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công sức; công nợ: Vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2017, anh Nguyễn Mạnh C có quan điểm: Anh xác nhận về điều kiện và thủ tục kết hôn như chị A trình bày là đúng. Song về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh cho rằng: Trong cuộc sống vợ chồng, do anh sống không được tốt nên vợ chồng có mâu thẫu và sống ly thân, sau đó anh phạm tội nên phải chấp hành án dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn thêm. Nay chị A xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị A không còn, anh đồng ý ly hôn chị A, đồng thời anh C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại phiên tòa.

Về con chung: anh C đều xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Linh Ph, sinh ngày 30/9/2012. Khi ly hôn anh C xin nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức; công nợ: Vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 14/7/2017 chính quyền địa phương UBND xã Ch, huyện D cho biết: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Mạnh C có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh C mắc vào tệ nạn xã hội là nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Chị A đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở hơn hai năm nay. Hiện nay anh C đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết ly hôn giữa chị A và anh C; Về con chung: chị A, anh C có một con chung là cháu Nguyễn Linh Ph, sinh ngày 30/9/2012, hiện tại do anh C đang phải chấp hành án tại trại giam nên đề nghị giao con chung của vợ chồng cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị đề nghị được ly hôn với anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ:

+ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Mạnh C.

+ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Linh Ph, sinh ngày 30/9/2012. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/ 2016/, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn là chị A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bầy của Nguyên đơn tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu quan điểm của kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh C vắng mặt. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh C xác nhận đã nhận được Thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án ly hôn giữa chị A với anh. Anh C đã trình bày quan điểm của mình về việc chị A xin ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên giải quyết vắng mặt anh tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng (BLTTDS), HĐXX giải quyết vắng mặt anh Nguyễn Mạnh C tại phiên tòa.

[2] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị A cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của BLTTDS.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Do vậy, HĐXX xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Duy Tiên.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Mạnh C đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam vào ngày 04/4/2012. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh C là hợp pháp.

[5] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, do anh C là người nghiện chất ma túy ít có trách nhiệm chăm lo cho cuộc sống vợ con, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn nên nhiều lần vợ chồng xảy ra xung đột mâu thuẫn và tự sống ly thân nhau. Xét thấy: Trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn hai năm nay, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối Cao, hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn, thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh C.

[6] Về con chung: Chị A, anh C đều xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Linh Ph, sinh ngày 30/9/2012. Hiện nay, chị A là người trực tiếp nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án cả chị A và anh C đều xin được nuôi cháu Ph.

Đối với yêu cầu xin nuôi con của chị A và anh C và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị A, HĐXX nhận thấy: Hiện tại chị A và cháu Ph đang có cuộc sống ổn định, cháu được chị A chăm sóc, nuôi dạy phát triển bình thường. Trong khi đó, anh C hiện tại đang phải chấp hành án tại Trại giam nên không có điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dạy và cấp dưỡng cháu Ph theo yêu cầu của chị A được. Vì vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như việc học hành của cháu Ph, HĐXX cần giao chị A tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Linh Ph, anh C không phải về cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Khi nào anh C chấp hành án xong hình phạt trở về địa phương, các đương sự có yêu cầu về thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật HN&GĐ.

[7] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đ□ơng sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải chịu theo quy định tại khoản 5, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Mạnh C.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Linh Ph, sinh ngày 30/9/2012 cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được hoặc đến khi Tòa án có quyết định khác thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp

dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai số AA/2015/0000088 ngày 17/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Chị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị A có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

-TAND tỉnh Hà Nam;
-VKSND huyện Duy Tiên;
-Chi cục THA huyện Duy Tiên;
-UBND xã Chuyên Ngoại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải